TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150**/2025/HS-PT
Ngày: 10-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: bà **Trần Thị Kim Liên** và ông **Đinh Phước Hoà.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Ba**, Thẩm tra viên Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 300/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Hồ Thủy T và Lê Phước Quý C về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

* *Các bị cáo kháng cáo:*

1. Hồ Thủy T **(**Tên gọi khác: không), sinh ngày 16/10/1978 tại Quảng Trị; Nơi ĐKNKTT: 101 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: F đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hồ Sĩ A (sinh năm 1951) và bà Nguyễn Thị Phương N (sinh năm 1949); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; Có chồng là Lê Phước Quý C (sinh năm 1972) và 01 con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Phước Quý C (Tên gọi khác: không), sinh ngày 14/10/1972 tại Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKNKTT: 101 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: F đường B, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kĩ sư xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: không; Đảng viên Đ1, sinh hoạt tại Đảng bộ Công ty cổ phần C4 (Đình chỉ sinh hoạt Đảng vào ngày 14/02/2025 theo Quyết định số

07/QĐ/UBKT/ĐU) Con ông Lê Phước C1 (chết) và bà Võ Thị R (chết); Gia đình có 8 anh, chị, em. Bị cáo là con thứ 6; Có vợ là Hồ Thủy T (sinh năm 1978) và 01 con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thủy T: Luật sư Lê Bảo Â – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Phước Quý C: Luật sư Nguyễn Phú C2 – Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

** Các bị hại có kháng cáo:*

1. Bà Lê Việt T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Bùi Tấn Trọng T2**,** sinh năm 1992; Nơi cư trú: I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Trần Văn Đ; địa chỉ: Tầng F Tòa nhà D đường C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

- Bà Nguyễn Thị Bích C3, sinh năm 1974; Nơi cư trú: 5 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Ngoài ra, còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nhà và đất tại H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng với số 44, tờ bản đồ số 57, diện tích đất: 155m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số DA 120805 đứng tên Hồ Thủy T.

Vào ngày 16/8/2022, Hồ Thủy T đã dùng nhà, đất tại H N để bảo lãnh nhằm đảm bảo khoản vay cho Công ty Cổ phần Đ2 (do Lê Phước Quý C làm Giám đốc), số tiền vay: 9.798.000.000 đồng tại ngân hàng V - Chi nhánh N1.

Sau đó, ngày 22/8/2022, T ký Hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T3 (sinh năm: 1985; trú: khối N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) đối với nhà, đất nêu trên với mục đích đảm bảo quyền lợi thu hồi tài sản của ông T3 do trước đó ông T3 đã cho T vay số tiền: 2.990.000.000 đồng. Ngày 24/11/2022, do chưa trả được tiền vay cho ông T3 cùng với việc vợ chồng C, T có nợ số tiền 6.800.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Bích C3 (sinh năm 1974; trú: 5 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng) nên C thay T viết 01 giấy bàn giao nhà, đất nêu

trên cho ông T3 và bà C3. Đến ngày 03/12/2022, vợ chồng C, T tiếp tục viết thêm một giấy cam kết, bàn giao nhà cho bà C3; với mục đích nếu vợ chồng C, T không trả được tiền vay thì sẽ bàn giao nhà cho bà C3 để đi rút GCNQSDĐ tại ngân hàng và thực hiện thủ tục chuyển nhượng nhà, đất nêu trên.

Vào ngày 03/7/2023, vợ chồng C, T thỏa thuận bán nhà, đất nêu trên cho vợ, chồng bà Lê Việt T1 (sinh ngày 13/01/1992) và ông Bùi Tấn Trọng T2 (sinh năm; 1992; cùng trú: I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), với số tiền: 11.000.000.000 đồng. Lô đất này đang thế chấp vay tại ngân hàng V1 với số tiền: 9.798.000.000 đồng nên vợ, chồng bà T1 phải chuyển số tiền 9.798.000.000 đồng để xóa thế chấp vay của Công ty Cổ phần Đ2 tại ngân hàng V để rút GCNQSDĐ đi công chứng. Ngoài ra, vợ chồng anh T2 chị T1 chuyển cho bị cáo T 150.000.000 đồng và chuyển trả cho bà M là chủ nợ của bị cáo T 150.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng vợ chồng Trí T4 đã chuyển cho bị cáo T với số tiền làm tròn là: 10.098.000.000 đồng. Sau khi viết Hợp đồng đặt cọc, vợ chồng bà T4 đã ra ngân hàng V trả tiền (từ tài khoản ngân hàng V, số A, mang tên Lê Việt T1 sang tài khoản ngân hàng V, số A, mang tên Lê Phước Quý C) và rút GCNQSDĐ để đi công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nhưng thời điểm này, nhà đất nêu trên đã được T ủy quyền qua cho ông T3 nên việc mua bán không thực hiện được.

* Tang vật tạm giữ:

01 (Một) Bản gốc Giấy bàn giao nhà đề ngày 24/11/2022, giữa ông Lê Phước Quý C và bà Nguyễn Thị Bích C3, ông Nguyễn Văn T3 đối với nhà, đất số 89 N, TP Đà Nẵng;

01 (Một) Bản gốc Giấy cam kết bàn giao nhà đề ngày 03/12/2022, giữa ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T với bà Nguyễn Thị Bích C3 đối với nhà, đất số 89 N, TP Đà Nẵng;

01 (Một) Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA120805, đứng tên Hồ Thủy T (sinh năm: 1978, CMND số: 201636619, địa chỉ thường trú: P. H, quận H, TP Đà Nẵng) thể hiện thửa đất số 44, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: H N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, diện tích: 155m², do Sở T5 cấp ngày 15/01/2021; 01 (Một) Biên bản bàn giao nhà đất ngày 04/7/2023 giữa bên giao: Hồ Thủy T và bên nhận: Lê Việt T1 đối với nhà, đất số 44, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: H N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, diện tích: 155m², do Sở T5 cấp ngày 15/01/2021.

- 01 Hợp đồng ủy quyền giữa Hồ Thủy T và Nguyễn Văn T3 tại Văn phòng Công chứng Phạm Văn Vinh thành phố Đ.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Tấn Trọng T2, Lê Việt T1 yêu cầu trả lại số tiền 10.098.000.000 đồng. Do tại phiên toà, bị cáo T, C tự nguyện bồi thường 50.000.000 đồng nên số tiền bị hại tiếp tục yêu cầu bồi thường là 10.048.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T3 yêu cầu trả số tiền 2.990.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Bích C3 yêu cầu trả số tiền: 6.800.000.000 đồng. Vợ chồng Hồ Thủy T, Lê Phước Quý C chưa trả số tiền trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 15/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Phước Quý C và Hồ Thủy T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Về điều khoản Bộ luật hình sự áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hồ Thủy T **20 (Hai mươi)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 14/5/2024.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lê Phước Quý C **16 (Mười sáu)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS Điều 584 BLDS, buộc bị cáo Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T phải bồi thường cho ông Bùi Tấn Trọng T2, bà Lê Việt T1 số tiền 10.048.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định.

Sau khi Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 15/5/2025, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo như sau:

- Ngày 16/5/2025, bị cáo Hồ Thủy T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc xử lý tài sản của bị cáo để xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 21/5/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích C3 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác định lại tư cách tố tụng là bị hại.

- Ngày 23/5/2025, bị cáo Lê Phước Quý C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ngày 23/5/2025, bị hại bà Lê Việt T1 và ông Bùi Tấn Trọng T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc cho bị hại được sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hoặc buộc Ngân hàng phải trả lại số tiền Ông, Bà tất toán khoản vay của bị cáo tại ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Hồ Thủy T và Lê Phước Quý C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Thủy T và Lê Phước Quý C gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử Phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp

nhận kháng cáo của các bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm bào chữa của luật sư Lê Bảo Â cho bị cáo Hồ Thủy T như sau: Về tội danh cũng như các điểm, điều khoản áp dụng thống nhất với quan điểm của đại diện Viện công tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX đánh giá nguyên nhân của việc phạm tội, hoàn cảnh gia đình của bị cáo để xem xét mức án khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo, cũng như xem xét về việc xử lý tài sản của bị cáo để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Nguyễn Phú C2 vắng mặt tại phiên toà, đề nghị xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo Lê Phước Quý C như sau: Về tội danh cũng như các điểm, điều khoản áp dụng thống nhất với quan điểm của đại diện Viện công tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX đánh giá vai trò của bị cáo C trong vụ án. Hiện nay, bị cáo C đang mắc bệnh hiểm nghèo nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xét xử mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị HĐXX xem xét khoản tiền vay mà bị hại đã trả cho Ngân hàng để giải chấp cho khoản vay của bị cáo Hồ Thủy T. Việc bị hại giải chấp khoản vay nêu trên có sự tham gia và đồng ý của ba bên là bị cáo T, Ngân hàng và bị hại. Hiện nay tài sản tại H N đã bị kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bản án đã có hiệu lực trước đó, việc kê biên tài sản nêu trên là không đúng quy định vì đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, đề nghị HĐXX huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

[1]. Bị cáo Hồ Thủy T là chủ sở hữu nhà, đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 57, diện tích đất: 155m² tại địa chỉ số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số DA 120805.

Ngày 03/7/2023, vợ chồng bị cáo Hồ Thủy T và Lê Phước Quý C thoả thuận chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho bà Lê Việt T1 và ông Bùi Tấn Trọng T2 với số tiền 11.000.000.000 đồng. Khi thỏa thuận chuyển nhượng, vợ chồng Bị cáo chỉ đưa thông tin về việc tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng V vay số tiền 9.798.000.000 đồng. Vì vậy vợ chồng bị hại đã chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo C, bị cáo C chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần Đ2 do bị cáo C làm giám đốc để Công ty Đ2 tất toán với Ngân hàng và rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, khi thoả thuận, vợ chồng bị cáo T, C không trao đổi sự việc hai bị cáo đã ký hợp đồng uỷ quyền, có thực hiện thủ tục công chứng và 02 giấy bàn giao nhà và đất cho bà Nguyễn Thị Bích C3 và ông Nguyễn Văn T3 nên sau khi xoá thế chấp với Ngân hàng, các bên không tiến hành thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất được. Các bị cáo không còn khả năng chuyển trả cho bị hại số tiền nêu trên.

Như vậy, bị cáo T, C đã đưa ra thông tin gian dối thông qua việc chuyển nhượng nhà và đất tại 89 Nguyễn Trác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của vợ

chồng bà T1, ông T2 với tổng số tiền 10.098.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo Hồ Thủy T, Lê Phước Quý C đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Hồ Thủy T và Lê Phước Quý C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Thủy T, Lê Phước Quý C:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Hồ Thủy T giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét xử lý tài sản của bị cáo để bị cáo khắc phục hậu quả cho người bị hại để làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là rất lớn, bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại. Toà án cấp sơ thẩm tuyên tạm giữ Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 120805, đứng tên Hồ Thủy T thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: H N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, diện tích: 155m², do Sở T5 cấp ngày 15/01/2021 để đảm bảo thi hành án là có căn cứ và đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Hồ Thủy T và bị cáo Lê Phước Quý C không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của người bị hại là bà Lê Việt T1 và ông Bùi Tấn Trọng T2 về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị hại được sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hoặc buộc Ngân hàng phải trả lại số tiền Ông, Bà tất toán khoản vay của bị cáo tại ngân hàng thấy:

Hiện nay, các bị cáo Hồ Thủy T, Lê Phước Quý C có nghĩa vụ thi hành các Quyết định: Quyết định thi hành án số 1220/QĐ.CCTHADS ngày 19/6/2023; số 1196/QĐ.CCTHADS ngày 15/6/2023; số 1230/QĐ.CCTHADS ngày 03/7/2023; số 66/QĐ.CCTHADS ngày 16/10/2023;số 109/QĐ.CCTHADS ngày 18/10/2023; số 156/QĐ.CCTHADS ngày 15/10/2023; số 239/QĐ.CCTHADS ngày 02/11/2023;số 342/QĐ.CCTHADS ngày 15/11/2023; số 637/QĐ.CCTHADS ngày 20/12/2023; số 682/QĐ.CCTHADS ngày 27/12/2023; số 1096/QĐ.CCTHADS ngày 23/7/2023 của Chi cục thi hành án quận Hải Châu. Ngày 29/8/2023, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1) đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế, kê biên, xử lý tài sản đối với nhà và đất tại 89 Nguyễn Trác . Mặt khác, Ngân hàng không thống nhất với việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của nhà và đất này vì Ngân hàng thực hiện các thủ tục cho vay đều đúng với quy định pháp luật, Ngân hàng không có lỗi trong giao dịch cho vay nên việc buộc Ngân hàng trả tiền lại cho bị hại và giao Bản chính giấy chứng nhận này lại cho Ngân hàng là không có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục tạm giữ Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất DA 120805 ngày 15/01/2021 tại địa chỉ số H N, thành phố Đà Nẵng đứng tên Hồ Thủy T để ưu tiên cho việc đảm bảo thi hành án các Bản án, quyết

định đã có hiệu lực pháp luật và các Quyết định thi hành án nêu trên theo pháp luật thi hành án dân sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích C3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác định lại tư cách tố tụng thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Bích C3 số tiền 6.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc vay mượn tiền của bị cáo T với bà C3 đã thực hiện trước khi bị cáo chuyển nhượng nhà và đất tại 89 N cho bị hại của vụ án. Các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất vay mượn. Bị cáo T, C không có hành vi lừa dối bà C3. Toà án cấp sơ thẩm xác định bà C3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Bích C3 .

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về án phí phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Thủy T, Lê Phước Q châu; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Lê Việt T1 và ông Bùi Tấn Trọng T2; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích C3; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. **Về án phí**:

2.1. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hồ Thủy T và Lê Phước Quý C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Bùi Tấn Trọng T2, bà Lê Việt T1, bà Nguyễn Thị Bích C3 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Viện công tố và KSXX phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng.
- Cơ quan THAHS - CA thành phố Đà Nẵng.
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng.
- THADS thành phố Đà Nẵng.
- Trại tạm giam số 1 CA TP Đà Nẵng.
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn